

Số: 183 /KH-LAX

Tân Phú, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo Công văn số 5307/SGDDT – KHTC Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025 (Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 5307/SGDDT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1440/GDDT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú về việc hướng dẫn lấy ý kiến của cha mẹ học sinh về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 trên địa bàn quận Tân Phú.

Căn cứ biên bản họp thống nhất trong Hội đồng tư vấn ngày 16/9/2024, Hội nghị Ban Đại diện CMHS trường lớp năm học 2024-2025 ngày 22/9/2024, Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh ngày 29/9/2024 về việc thống nhất các khoản thu - chi đầu năm học 2024 - 2025.

Trường THCS Lê Anh Xuân, xây dựng kế hoạch thu - chi về mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu - chi đầu năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau :

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Công khai đến cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường về các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2024-2025.

Phối hợp với cha mẹ học sinh thực hiện thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2024-2025 đúng quy định.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện triển khai công tác thu - chi xác định rõ nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý các cấp về việc triển khai thu - chi của đơn vị.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG

Trên cơ sở nội dung và mức thu theo quy định, nhà trường căn cứ tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của người học để xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế năm học, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện, đồng thời thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Thời gian thu đảm bảo theo nguyên tắc số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

A. KẾ HOẠCH THU - CHI :

(Đính kèm Kế hoạch thu chi đầu năm học 2024 – 2025)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Quán triệt và phổ biến đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thu - chi của cấp có thẩm quyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường; niêm yết công khai các văn bản chỉ đạo.

- Xây dựng kế hoạch thu - chi cho từng nội dung thu đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục,... làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể để đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế trong nhà trường năm học 2024 - 2025 gửi báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú phê duyệt.

- Tổ chức họp Ban Giám hiệu, họp Hội đồng tư vấn, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường, giáo viên chủ nhiệm để lấy ý kiến đóng góp và thống nhất về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường năm học 2024 - 2025.

- Chỉ đạo nhà trường nghiêm túc thực hiện chế độ công khai thu chi tài chính (nội dung, hình thức và thời điểm công khai) theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (cụ thể thực hiện việc công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân

sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ); chịu trách nhiệm giải trình trước người học và xã hội về các mức thu của đơn vị.

- Cùng các thành viên trong nhà trường thực hiện giám sát công tác thu - chi đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước các cấp về nội dung thu chi của nhà trường.

2. Trách nhiệm của Kế toán

- Phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền đầy đủ, kịp thời, đúng quy định khi thu tiền người học; theo dõi, ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015, Luật Kế toán ngày 20/11/2015 và các văn bản quy định chế độ tài chính, kế toán hiện hành để thực hiện đúng nguyên tắc thu - chi theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ thu - chi, kế hoạch dự toán thu - chi, thực hiện quản lý thu - chi của nhà trường năm học 2024 - 2025 đúng quy định.

- Thông báo các khoản thu - chi đã được duyệt tới cha mẹ học sinh. Thực hiện thu theo đúng quy định và kế hoạch.

- Thực hiện công khai thu - chi tài chính theo đúng các văn bản chỉ đạo.

- Triển khai thực hiện thanh toán các khoản thu theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 4066/KH- UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ – Ttg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

3. Trách nhiệm của Thủ quỹ

- Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác thu - chi các cấp triển khai.

- Thực hiện đúng nhiệm vụ được giao về công tác thu tiền của cha mẹ học sinh theo quy định.

4. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

- Nghiên cứu kỹ và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác thu - chi tới cha mẹ học sinh của lớp. Lấy ý kiến thỏa thuận của cha mẹ học sinh lớp về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường. Tổng hợp ý kiến của cha mẹ học sinh lớp báo về Ban Giám hiệu.

- Thông báo rõ các khoản thu - chi theo quy định đã được phê duyệt tới cha mẹ học sinh.

- Không thu các khoản thu không có trong quy định. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các khoản thu của lớp trong năm học 2024 - 2025.

5. Trách nhiệm của cha mẹ học sinh

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu - chi.
- Cha mẹ học sinh thống nhất thoả thuận các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường,...; thực hiện đóng các khoản thu đã được phê duyệt theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm năm học 2024 - 2025. Nhà trường yêu cầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nghiêm túc thực hiện triển khai công tác thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm học 2024 - 2025 đúng quy định./.

Nơi nhận:

- HĐLT;
- CMHS;
- Website nhà trường;
- Lưu: HT, KT.


HIỆU TRƯỞNG
Mai Thanh Bình



KẾ HOẠCH THU CHI ĐẦU NĂM HỌC 2024 - 2025
TRƯỜNG THCS LÊ ANH XUÂN

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG HS	SỐ THÁNG/LUỢT/NĂM	TỔNG SỐ TIỀN	TỶ LỆ	GHI CHÚ
I	Mức thu học phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh						
a	Mức thu/học sinh/tháng	60.000 đồng/tháng	2.790	9	1.506.600.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi	60.000 đồng/tháng	2.790	9	1.506.600.000	100,0%	
b.1	Thực hiện trích 40% cải cách tiền lương	24.000 đồng/tháng	2.790	9	602.640.000	40,0%	
b.2	Chi hỗ trợ công tác giảng dạy	12.000 đồng/tháng	2.790	9	301.320.000	20,0%	
b.3	Chi quản lý, hành chính phục vụ	5.400 đồng/tháng	2.790	9	135.594.000	9,0%	
b.4	Chi công tác chuyên môn	11.400 đồng/tháng	2.790	9	286.254.000	19,0%	
b.5	Khấu hao tài sản cố định	6.000 đồng/tháng	2.790	9	150.660.000	10,0%	
b.6	Nộp thuế TNDN 2%	1.200 đồng/tháng	2.790	9	30.132.000	2,0%	
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND						
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú						
a	Mức thu/học sinh/tháng	160.000 đồng/tháng	209	8	267.520.000	100,0%	Học sinh đăng ký bán trú
b	Kế hoạch chi	160.000 đồng/tháng	209	8	267.520.000	100,0%	
b.1	Chi cho bộ phận điểm danh , quản lý học sinh ăn - ngủ	52.800 đồng/tháng	209	8	88.281.600	33,0%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	11.520 đồng/tháng	209	8	19.261.440	7,2%	
b.3	Chi hỗ trợ mua dụng cụ vệ sinh xà bông, nước lau sàn....	86.560 đồng/tháng	209	8	144.728.320	54,1%	
b.4	Khấu hao tài sản cố định	5.920 đồng/tháng	209	8	9.898.240	3,7%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	3.200 đồng/tháng	209	8	5.350.400	2,0%	
2	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu						
a	Mức thu/học sinh/năm	23.000 đồng/năm	2.790	1	64.170.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi	23.000 đồng/năm	2.790	1	64.170.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền khám sức khỏe nhà cung cấp	22.540 đồng/tháng	2.790	1	62.886.600	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%	460 đồng/tháng	2.790	1	1.283.400	2,0%	
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh						
a	Mức thu/học sinh/năm	(Học sinh học 1 buổi : 1784 hsx 50.000 đ/tháng x 8,5 tháng ; Học sinh học 2 buổi :1006 HS x 95.000 đ/tháng x 8,5 tháng)	2.790		1.570.545.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi		2.790	-	1.570.545.000	100,0%	
b.1	Thanh toán thuê máy lạnh lớp 1 buổi		1.784		454.920.000	29,0%	
b.2	Thanh toán thuê máy lạnh lớp 2 buổi		1.006		487.407.000	31,0%	
b.3	Thanh toán tiền điện				596.807.100	38,0%	
b.4	Nộp thuế TNDN 2%				31.410.900	2,0%	
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Sổ liên lạc điện tử, Tài khoản học trực tuyến Bách khoa – LMS360 .)						
a	Mức thu/học sinh/năm	25.000 đồng/tháng	2.790	9	627.750.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi	25.000 đồng/tháng	2.790	9	627.750.000	100,0%	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG HS	SỐ THÁNG/LƯỢT/NĂM	TỔNG SỐ TIỀN	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.1	Thanh toán tiền cho nhà cung cấp dịch vụ	24.500 đồng/tháng	2.790	9	615.195.000	98,0%	trường
b.2	Nộp thuế TNDN 2%	500 đồng/tháng	2.790	9	12.555.000	2,0%	
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo công văn số 5307/SGDDĐT-KHTC						
1.	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác						
1.1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày						
a	Mức thu/học sinh/tháng	200.000 đồng/tháng	797	9	1.434.600.000	100,0%	Học sinh khối 6, 7, 8, 9
b	Kế hoạch chi	200.000 đồng/tháng	797	9	1.434.600.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy, hỗ trợ công tác học vụ, quản sinh	152.000 đồng/tháng	797	9	1.090.296.000	76,0%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	25.200 đồng/tháng	797	9	180.759.600	12,6%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	2.000 đồng/tháng	797	9	14.346.000	1,0%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	16.800 đồng/tháng	797	9	120.506.400	8,4%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	4.000 đồng/tháng	797	9	28.692.000	2,0%	
1.2	Tiền tổ chức giáo dục kỹ năng sống						
a	Mức thu/học sinh/tháng	80.000 đồng/tháng	2.009	8,5	1.366.120.000	100,0%	Học sinh khối 6, 7, 8
b	Kế hoạch chi	80.000 đồng/tháng	2.009	8,5	1.366.120.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy chương trình kỹ năng sống	68.000 đồng/tháng	2.009	8,5	1.161.202.000	85,0%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	9.120 đồng/tháng	2.009	8,5	155.737.680	11,4%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	400 đồng/tháng	2.009	8,5	6.830.600	0,5%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	880 đồng/tháng	2.009	8,5	15.027.320	1,1%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	1.600 đồng/tháng	2.009	8,5	27.322.400	2,0%	
1.3	Tiền tổ chức giáo dục Stem						
a	Mức thu/học sinh/tháng	90.000 đồng/tháng	199	8,5	152.235.000	100,0%	Học sinh đăng ký
b	Kế hoạch chi	90.000 đồng/tháng	199	8,5	152.235.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy chương trình giáo dục Stem	79.200 đồng/tháng	199	8,5	133.966.800	88,0%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	6.300 đồng/tháng	199	8,5	10.656.450	7,0%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	540 đồng/tháng	199	8,5	913.410	0,6%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	2.160 đồng/tháng	199	8,5	3.653.640	2,4%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	1.800 đồng/tháng	199	8,5	3.044.700	2,0%	
1.4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài						
a	Mức thu/học sinh/tháng	190.000 đồng/tháng	1.292	8,5	2.086.580.000	100,0%	Học sinh khối lớp 6,7,8
b	Kế hoạch chi	190.000 đồng/tháng	1.292	8,5	2.086.580.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy , tiền công nhân viên hợp đồng	142.120 đồng/tháng	1.292	8,5	1.560.761.840	74,8%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	26.410 đồng/tháng	1.292	8,5	290.034.620	13,9%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.710 đồng/tháng	1.292	8,5	18.779.220	0,9%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	15.960 đồng/tháng	1.292	8,5	175.272.720	8,4%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	3.800 đồng/tháng	1.292	8,5	41.731.600	2,0%	
1.5	Tiền tổ chức chương trình giáo dục tăng cường ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học						
a	Mức thu/học sinh/tháng	800.000 đồng/tháng	254	8,5	1.727.200.000	100,0%	Học sinh đăng ký
b	Kế hoạch chi	800.000 đồng/tháng	254	8,5	1.727.200.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy	704.800 đồng/tháng	254	8,5	1.521.663.200	88,1%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	60.000 đồng/tháng	254	8,5	129.540.000	7,5%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	4.000 đồng/tháng	254	8,5	8.636.000	0,5%	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG HS	SỐ THÁNG/LUỢT/NĂM	TỔNG SỐ TIỀN	TỶ LỆ	GHI CHÚ
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	15.200 đồng/tháng	254	8,5	32.816.800	1,9%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	16.000 đồng/tháng	254	8,5	34.544.000	2,0%	
2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo Đề án							
2.1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"						
a	Mức thu/học sinh/tháng	3.600.000 đồng/tháng	209	9	6.771.600.000	100,0%	Học sinh lớp 6/1;6/2;7/1;7/2;8/1;8/2
	Kế hoạch thu	3.600.000 đồng/tháng	209	9	6.771.600.000	100,0%	
	Công ty EMG thực hiện thu của học sinh	3.600.000 đồng/tháng	209	9	6.771.600.000	100,0%	
b	Kế hoạch chi	540.000 đồng/tháng	209	9	1.015.740.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy	324.000 đồng/tháng	209	9	609.444.000	60,0%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	81.000 đồng/tháng	209	9	152.361.000	15,0%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	81.000 đồng/tháng	209	9	152.361.000	15,0%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	43.200 đồng/tháng	209	9	81.259.200	8,0%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	10.800 đồng/tháng	209	9	20.314.800	2,0%	
2.2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"						
a	Mức thu/học sinh/tháng	80.000 đồng/tháng	2.221	8,5	1.510.280.000	100,0%	Học sinh khối lớp 6,7,8,9
b	Kế hoạch chi	80.000 đồng/tháng	2.221	8,5	1.510.280.000	100,0%	
b.1	Chi công tác giảng dạy, hỗ trợ GVQT	35.040 đồng/tháng	2.221	8,5	661.502.640	43,8%	
b.2	Chi quản lý, hành chính phục vụ	8.000 đồng/tháng	2.221	8,5	151.028.000	10,0%	
b.3	Chi nghiệp vụ chuyên môn	11.040 đồng/tháng	2.221	8,5	208.418.640	13,8%	
b.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, khấu hao	24.320 đồng/tháng	2.221	8,5	459.125.120	30,4%	
b.5	Nộp thuế TNDN 2%	1.600 đồng/tháng	2.221	8,5	30.205.600	2,0%	
3 Các khoản thu cho cá nhân học sinh							
3.1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú						
a	Mức thu/học sinh/năm	180.000 đồng/năm	209	1	37.620.000	100,0%	Học sinh đăng ký bán trú
b	Kế hoạch chi	180.000 đồng/năm	209	1	37.620.000	100,0%	
b.1	Mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú trong 1 năm học đối với một học sinh Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: gồm nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, đũa, muỗng, ly, cốc... phục vụ học sinh bán trú	176.400 đồng/năm	209	1	36.867.600	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%	3.600 đồng/năm	209	1	752.400	2,0%	
3.2 Tiền học phẩm – học cụ - học liệu							
a	Mức thu/học sinh/năm	40.000 đồng/năm	2.790	1	111.600.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi	40.000 đồng/năm	2.790	1	177.435.000	100,0%	
b.1	Học phẩm (Phù hiệu mã số)	16.660 đồng/năm	2.790	1	46.481.400	41,7%	
b.2	Học phẩm (Tiền giấy thi và mực in, sao đề các bài kiểm tra định kỳ)	22.540 đồng/năm	2.790	1	62.886.600	56,4%	
b.3	Nộp thuế TNDN 2%	800 đồng/năm	2.790	1	2.232.000	2,0%	
3.3	Tiền suất ăn bán trú						
a	Mức thu/học sinh/ngày	35.000 đồng/ngày	209	9	65.835.000	100,0%	Học sinh đăng ký bán trú
b	Kế hoạch chi	35.000 đồng/ngày	209	9	568.035.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền suất ăn cho nhà cung cấp	34.300 đồng/ngày	209	9	64.518.300	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%	700 đồng/ngày	209	9	1.316.700	2,0%	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	SỐ LƯỢNG HS	SỐ THÁNG/LƯỢT T/NĂM	TỔNG SỐ TIỀN	TỶ LỆ	GHI CHÚ
3.4	Tiền nước uống						
a	Mức thu/học sinh/tháng	10.000 đồng/tháng	2.790	9	251.100.000	100,0%	Học sinh toàn trường
b	Kế hoạch chi	10.000 đồng/tháng	2.790	9	251.100.000	100,0%	
b.1	Thanh toán tiền nước uống cho nhà cung cấp	9.800 đồng/tháng	2.790	9	246.078.000	98,0%	
b.2	Nộp thuế TNDN 2%	200 đồng/tháng	2.790	9	5.022.000	2,0%	
3.5	Tiền trông giữ xe học sinh						
a	Mức thu/lượt	2.000 đồng/lượt	6.000	8	96.000.000	100,0%	Số Học sinh thực tế phát sinh
b	Kế hoạch chi	2.000 đồng/lượt	6.000	8	96.000.000	100,0%	
b.1	Thanh toán cho bộ phận trực tiếp giữ xe	1.800 đồng/lượt	6.000	8	86.400.000	90,0%	
b.2	Nộp thuế GTGT 5%	100 đồng/lượt	6.000	8	4.800.000	5,0%	
b.3	Nộp thuế TNDN 5%	100 đồng/lượt	6.000	8	4.800.000	5,0%	